

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN TRỤ  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/DS-ST  
Ngày: 22/12/2017  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
góp hụi*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ  
TỈNH LONG AN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Nguyễn Thị Kim Thoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Phạm Văn Dự;

2/ Bà Mai Thị Bỉ;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Phước Mãi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2017/TLST-DS, ngày 05 tháng 10 năm 2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐXXST-DS, ngày 01/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số xx, ấp N, xã N, huyện T, tỉnh L (Có mặt).

2/ Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Mộng T**, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Số xxx, ấp N, xã N, huyện T, tỉnh L (Có mặt).

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ông Liên H**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số x, ấp N, xã N, huyện T, tỉnh L (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Đ như sau:*

Vào ngày 15/10/2015 bà Nguyễn Thị Mộng T có tham gia chơi 01 dây hội tháng do bà làm chủ hội, hội 2.000.000đ/tháng, dây hội gồm 23 phần, bà T tham gia 01 phần, thời điểm kết thúc hội là ngày 15/8/2017.

Sau khi mở hội, bà T đóng hội cho bà được 02 tháng với số tiền 2.780.000đ, đến ngày 20/12/2015 thì hốt hội được số tiền 30.800.000đ nhưng bà chỉ 29.800.000đ, còn 1.000.000đ là tiền đầu thảo hội bà T khấu trừ cho bà. Sau khi hốt hội, bà T đã đóng lại tiền hội cho bà tính đến ngày 20/01/2017 là 13 tháng (13 lần) với số tiền 26.000.000đ thì không đóng hội nữa.

Khi nộp đơn khởi kiện, bà yêu cầu bà T và chồng bà T là ông Liên H phải liên đới trả số tiền nợ hội còn thiếu là 07 tháng, với số tiền 16.000.000đ. Tuy nhiên, nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà T trả số tiền hội chưa đóng là 14.000.000đ.

*2. Bị đơn, bà Nguyễn Thị Mộng T, trình bày:*

Bà thừa nhận có tham gia chơi hội do bà Nguyễn Thị Đ làm chủ hội như lời trình bày của bà Đ. Bà đóng tiền hội cho bà Đ đến được 02 tháng với số tiền là 2.780.000đ, đến tháng thứ 3 thì hốt hội (ngày 20/12/2015) với số tiền 30.800.000đ nhưng phải giao cho bà Đ 1.000.000đ gọi là tiền đầu thảo, số tiền còn lại là 29.800.000đ thì bà Đ đã giao cho bà đầy đủ. Từ khi hốt hội đến nay bà đã đóng hội chết cho bà Đ được 13 tháng với số tiền 26.000.000đ. Do đó, hiện bà còn nợ bà Đ 07 tháng tiền hội với số tiền là 14.000.000đ.

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền nợ hội còn thiếu là 14.000.000đ, bà đồng ý trả. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên khi nào tình trạng sức khỏe của bà bình phục, đi làm có tiền thì mới trả.

*3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Liên H trình bày:*

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Mộng T, việc bà T tham gia chơi hội do bà Đ tổ chức, ông không biết, tiền hốt hội bà T sử dụng vào mục đích riêng, ông không biết nên không có trách nhiệm cùng bà T trả nợ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm. Đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như phần tóm

tất nội dung vụ án. Bị đơn cung cấp chứng cứ nhưng không có liên quan trong vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ:

Về thẩm quyền: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T trả số tiền hụi còn nợ cho bà Đ là 14.000.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mộng T trả số tiền hụi còn thiếu. Đây là tranh chấp về hợp đồng góp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Đ yêu cầu bà T trả số tiền góp hụi còn thiếu là 14.000.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà T thừa nhận có tham gia chơi hụi và cũng đồng ý trả số tiền hụi còn thiếu 14.000.000đ cho bà Đ, nhưng bà T không xác định được cụ thể thời gian trả. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, .... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, có căn cứ xác định hiện bà T còn nợ bà Đ tiền góp hụi.

[3] Tại phiên tòa bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ là 14.000.000đ, không yêu cầu Tòa án điều chỉnh lại tiền lãi. Tuy nhiên, số tiền các bên thống nhất sẽ tiếp tục trả, theo quy định của pháp luật là trái quy định. Lý do, tại thời điểm bà T hốt hụi vào ngày 20/12/2015 là 30.800.000đ nhưng bà T phải trả cho bà Đ tiền đầu thảo hụi (tức là tiền công của người của người tổ chức chơi hụi do hụi viên trả khi đến kỳ hốt hụi) là 1.000.000đ do bà Đ làm chủ hụi. Do đó, số tiền bà T nhận chỉ có 29.800.000đ nhưng Hội đồng xét xử xác định số tiền hụi bà T đã hốt hụi và có nghĩa vụ thanh toán là 30.800.000đ. Tuy nhiên, khấu trừ vào số tiền hụi bà T đã đóng hụi ở 02 tháng đầu tiên là 2.780.000đ nên có căn cứ xác định vào ngày 20/12/2015, sau khi hốt hụi, thì bà T chỉ có nghĩa

vụ đóng lại tiền hui cho bà Đ số tiền là  $30.800.000đ - 2.780.000đ = 28.020.000đ$ . Đối với số tiền  $28.020.000đ$  này, mặc dù bà Đ và bà T không trực tiếp thỏa thuận phải trả tiền lãi nhưng qua hình thức chơi hui và sự thừa nhận nghĩa vụ trả nợ của bị đơn, Hội đồng xét xử xác định việc chơi hui là có tính lãi.

[4] Xét tiền lãi các bên thỏa thuận là cao hơn quy định của pháp luật, cụ thể số tiền hui như đã phân tích ở phần [3] là  $28.020.000đ$  thì hàng tháng bà T phải đóng hui lại cho bà Đ là  $2.000.000đ$  trong thời hạn 20 tháng, thành tiền là  $40.000.000đ$ . Do đó, tiền lãi trong thỏa thuận này (nếu thực hiện đúng) sẽ là  $40.000.000đ - 28.020.000đ = 11.980.000đ$  tương đương lãi suất  $2,138\%/tháng$  và bằng  $25,65\%/năm$  là cao hơn quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 (tối đa là  $20\%/năm$ ). Do đó, Hội đồng xét xử quyết định điều chỉnh lãi suất phù hợp với Điều 468 của BLDS năm 2015 là  $20\%/năm$ . Như vậy, tiền lãi hàng tháng được tính là  $28.020.000đ \times (20\%/năm : 12 tháng) = 467.000đ/tháng$ . Bà Đ và bà T thỏa thuận thời hạn trả hết số tiền là 20 tháng nên thành tiền là  $467.000đ \times 20 tháng = 9.340.000đ$ .

[5] Như vậy, tổng cộng số tiền bà T phải trả cho bà Đào là  $28.020.000đ + 9.340.000đ = 37.360.000đ$ . Do bà T đã trả cho bà Đào số tiền  $26.000.000đ$  nên Hội đồng xét xử buộc bà T trả tiếp cho bà Đào  $37.360.000đ - 26.000.000đ = 11.360.000đ$ . Tại phiên tòa bà Đ xác định không yêu cầu bà T hoàn trả số tiền lãi tính từ ngày 20/8/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (21/12/2017) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa bà T yêu cầu được trả dần  $2.000.000đ/tháng$ , bắt đầu từ tháng 6/2018, cho đến khi hết nợ. Việc bà T yêu cầu kéo dài thời gian trả tiền không được bà Đ đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T. Buộc bà T trả cho bà Đ một lần số tiền  $11.360.000đ$ .

[7] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc yêu cầu bà T trả số tiền chênh lệch do điều chỉnh tiền lãi là  $14.000.000đ - 11.360.000đ = 2.640.000đ$ .

[8] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện  $2.000.000đ$ , đây là ý chí tự nguyện của bà Đ nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần rút lại yêu cầu này.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do buộc bà T trả tiền cho bà Đ nên bà T phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà Đ là  $11.360.000đ \times 5\%$ . Bà Đ phải chịu án phí trên số tiền không được Hội đồng xét xử chấp nhận là  $2.640.000đ$  nhưng không phải chịu án phí đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 217, 218, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 471, 357, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” của bà Nguyễn Thị Đ đối với bà Nguyễn Thị Mộng T.

Buộc bà Nguyễn Thị Mộng T phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền góp hụi còn thiếu là 11.360.000đ (Mười một triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Đ, nếu chậm thi hành, bà Nguyễn Thị Mộng T còn phải liên đới trả thêm tiền lãi cho bà Nguyễn Thị Đ theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với số tiền 2.640.000đ (Hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) yêu cầu bà Nguyễn Thị Mộng T phải trả.

3/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Liên H trả số tiền góp hụi là 2.000.000đ do bà Đ rút yêu cầu khởi kiện. Bà Nguyễn Thị Đ được quyền khởi kiện lại vụ án đối với việc đình chỉ này.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 568.000đ (Năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 400.000đ theo biên lai số 04843, ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Đ được hoàn trả lại số tiền chênh lệch còn thừa là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- THA DS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Thoa**